

CHƯƠNG VIII

**BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ
TRONG NHỮNG NĂM ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI
MỚI VÀ XÂY DỰNG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC (1992 - 2002)**

Vào đầu những năm 1990, tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng và phức tạp đã tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến nước ta trên mọi phương diện. Công cuộc cải tổ, cải cách của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu không thành công. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ; phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế lâm vào tình trạng thoái trào. Xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tác động mạnh tạo ra cơ hội và thách thức đối với đất nước ta. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, Đảng và Nhà nước ta vẫn kiên định đường lối độc lập, tự chủ, mở rộng quan hệ hợp tác đa phương hoá, đa dạng hoá với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Nền kinh tế đất nước phải vượt qua khó khăn khủng hoảng do những sai lầm trước đó, từng bước xây dựng cơ chế quản lý kinh tế - xã hội thích hợp, hiệu quả. Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã bổ sung và phát triển đường lối đổi mới, định ra chiến lược phát triển đất nước với tinh thần phát huy cao độ sức mạnh nội lực của dân tộc, tiếp tục đổi mới, cải cách toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù trong bối cảnh quốc tế phức tạp và những khó khăn về kinh tế - xã hội còn để lại từ những năm 1980, nhưng đất nước ta đã bước vào thập kỷ 1990 với luồng sinh khí mới của công cuộc đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. Các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước được chuyển mạnh từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang cơ chế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước. Sản xuất công, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác đã phục hồi và dần được phát triển, đời sống vật chất văn hoá của nhân dân đã từng bước cải thiện; đất nước đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng. Công cuộc cải cách kinh tế được tiến hành ngày càng có kết quả cả về chiều rộng và chiều sâu, cơ chế quản lý kinh tế mới đã được xác lập và từng bước được củng cố, đã tạo môi trường thể chế thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước những bước đi và thành tựu của công cuộc cải cách thể chế kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mô hình tổ chức nhà nước nói chung và tổ chức bộ máy hành chính nhà nước nói riêng theo tinh thần Hiến pháp năm 1980 đang bộc lộ ngày càng rõ hơn, đậm hơn những khuyết, nhược điểm cần khắc phục. Vai trò của Nhà nước, chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ và các cơ quan nhà nước bao trùm cả quản lý hành chính, sự nghiệp, cả điều hành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; cơ cấu bộ máy Chính phủ công kênh, đồ sộ với quá nhiều các Bộ, ngành tổ chức theo nguyên tắc chuyên ngành hẹp được xác lập trong điều kiện nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp trước đây đã không còn phù hợp và trở thành vật cản ngày càng lớn hơn đối với sự phát triển năng động của các hoạt động kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường.

Công cuộc cải cách kinh tế ở nước ta đặt ra yêu cầu khách quan phải thay đổi vai trò, chức năng của Nhà nước, phải cải cách nền hành chính nhà nước, đổi mới nội dung, phương thức quản lý nhà nước để phù hợp với nền kinh tế thị trường đang dần được xác lập. Nhận thức rõ điều đó, ngay từ đầu những năm 1990, Đảng và Nhà nước đã chủ trương sửa đổi mô hình tổ chức bộ máy nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục xây dựng hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân. Trước những yêu cầu của thời kỳ đổi mới đất nước, Hiến pháp năm 1980 với nhiều nhược điểm bất hợp lý so với yêu cầu của thời kỳ đổi mới đã được thay thế bởi Hiến pháp năm 1992; trong đó mô hình tổ chức bộ máy nhà nước đã có sự

đổi mới đáng kể. Theo Hiến pháp năm 1992, vị trí và vai trò của Chính phủ đã được xác định rõ hơn: “Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”¹; theo đó vai trò của hành pháp đã được đề cao hơn so với Hiến pháp năm 1980, nhằm hướng tới xây dựng một nền hành chính nhà nước có hiệu lực mạnh mẽ phù hợp với điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và xu thế mở cửa, hội nhập quốc tế. Về tên gọi của Chính phủ đã được thay đổi, không còn là *Hội đồng Bộ trưởng* như trong những năm 1980 (theo Hiến pháp năm 1980) mà là *Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*; theo đó Chính phủ không thuần túy là một chế định Hội đồng, một cơ quan lãnh đạo, điều hành tập thể mà là một chế định được tổ chức và hoạt động trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa chế độ tập thể (tập thể Chính phủ) với chế độ thủ trưởng (Thủ tướng Chính phủ). Về cơ cấu tổ chức của Chính phủ, số lượng các Bộ, cơ quan ngang Bộ cũng được sắp xếp lại cho gọn hơn, ít đầu mối hơn, bằng cách sáp nhập một số Bộ chuyên ngành để thành các Bộ đa ngành, đa lĩnh vực. Đến năm 1992, cơ cấu Chính phủ gồm có 27 Bộ và cơ quan ngang Bộ, giảm 7 Bộ so với những năm 1980 (nhiệm kỳ Chính phủ 1982 - 1987 có 34 Bộ và cơ quan ngang Bộ). Đồng thời với việc tinh giản bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các Bộ cũng được điều chỉnh một bước, tập trung hơn vào thực hiện chức năng quản lý nhà nước, giảm thiểu sự can thiệp vào quản lý sản xuất, kinh doanh theo chủ trương xóa bỏ chế độ Bộ chủ quản và cấp hành chính chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước, tách chức năng quản lý nhà nước (của các cơ quan nhà nước) với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh (của doanh nghiệp). Điều đó vừa tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và hội nhập; vừa tạo tiền đề thực tế để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, (Sửa đổi)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.57.

Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Trong thời kỳ này, công cuộc cải cách kinh tế, cải cách hành chính, cải cách bộ máy nhà nước đặt ra những yêu cầu và nhiệm vụ mới đối với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (Bộ Nội vụ) với vai trò là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức nhà nước. Theo đó, tổ chức và hoạt động của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (Bộ Nội vụ) đã trải qua các giai đoạn phát triển với mức độ ngày càng cao hơn.

I- KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ

Năm 1992, Hiến pháp mới được ban hành thay thế Hiến pháp năm 1980, sau đó ngày 2-10-1992 công bố *Luật tổ chức Chính phủ năm 1992*. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Chính phủ mới, ngày 30-9-1992, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX, Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ được xác định là cơ quan ngang Bộ với tên gọi là *Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ*.

Để triển khai Luật Tổ chức Chính phủ mới, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/CP ngày 2-3-1993 về *nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ*.

Sau Nghị định số 15/CP, Chính phủ đã ban hành những nghị định cụ thể quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Ngày 9-11-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 181/CP về *chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ*. Nghị định số 181/CP đã xác định: Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực: tổ chức bộ máy nhà nước; công chức và viên chức nhà nước; lập hội quần chúng và tổ chức phi chính phủ; phân vạch địa giới hành chính và công tác lưu trữ tài liệu quốc gia. (Điều 1, Nghị định số 181/CP). Để thực hiện chức năng trên, theo Nghị định số 181/CP, Ban Tổ

chức - Cán bộ Chính phủ có 12 nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể:

1- Xây dựng các dự án luật, pháp lệnh và các văn bản pháp quy của Chính phủ về các lĩnh vực thuộc chức năng của Ban, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2- Xây dựng các đề án về tổ chức Chính phủ, thành lập, giải thể các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trình Chính phủ quyết định.

3- Thẩm định các đề án về tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức quản lý nhà nước khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ; về tổ chức, hoạt động của các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trình Chính phủ quyết định.

4- Thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép thành lập các Hội quần chúng, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc lập Hội và hoạt động của các Hội.

5- Trình Chính phủ quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhà nước, đại biểu Hội đồng nhân dân, quy chế quản lý, chính sách chế độ đối với công chức, viên chức nhà nước và cán bộ cơ sở; tổ chức thực hiện các văn bản đó sau khi được ban hành.

6- Trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch biên chế hàng năm, quy định về tiêu chuẩn và định mức biên chế phân bổ cho các bộ, ngành ở trung ương và ủy ban nhân dân cấp tỉnh... Trình Chính phủ quy chế phân cấp quản lý biên chế; ban hành chức danh tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức, viên chức, quy chế thi tuyển, đào tạo, đánh giá công chức, viên chức nhà nước. Quản lý công chức cao cấp theo quy định của Chính phủ.

7- Trình Chính phủ quy định các nguyên tắc, tiêu chuẩn làm căn cứ để xét duyệt và quyết định việc thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính cấp tỉnh.

8- Giúp Chính phủ chỉ đạo công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

9- Xây dựng và quản lý ngành Lưu trữ nhà nước, ban hành theo thẩm quyền các quy định về chuyên môn nghiệp vụ lưu trữ quốc gia.

10- Tổ chức công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về các lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước, cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức.

11- Hướng dẫn và chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ đối với cơ quan tổ chức của các bộ, ngành và ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

12- Thanh tra kiểm tra việc thực hiện luật pháp, chính sách thuộc lĩnh vực do Ban phụ trách.

Về cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, theo Nghị định số 181/CP, gồm có các đơn vị:

1- Vụ Chính quyền địa phương.

2- Vụ Tổ chức.

3- Vụ Công chức viên chức.

4- Vụ Biên chế và tiền lương.

5- Vụ Hợp tác quốc tế.

6- Vụ Thanh tra pháp chế.

7--Vụ Đào tạo.

8- Cục Lưu trữ Nhà nước.

9- Viện Nghiên cứu Khoa học tổ chức Nhà nước.

10- Văn phòng Ban (có bộ phận thường trực tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Nha Trang).

Căn cứ Nghị định số 181/CP, ngày 11-3-1995, Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã ban hành các Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và lề lối làm việc của các đơn vị thuộc Ban, tạo cơ sở pháp lý để cải tiến một bước về tổ chức và hoạt động của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của yêu cầu nhiệm vụ mới, nặng nề hơn của Ban trong thời kỳ này.

Trong hai năm 1998 – 1999, cơ cấu bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ được tiếp tục kiện toàn một bước; một số đơn vị mới được thành lập: Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tổ chức phi chính phủ, Tổ Cải cách hành chính (9-1998) sau nâng lên thành Vụ Cải cách hành chính (2002). Đồng thời Ban

còn sắp xếp lại và đổi tên một số đơn vị cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ mới: Vụ Tổ chức đổi thành Vụ Tổ chức- biên chế nhà nước; Vụ Biên chế – Tiền lương thành Vụ Tiền lương nhà nước (8-1998); giải thể Vụ Đào tạo để thành lập Cục Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước (1998). Ngoài ra, để triển khai thực hiện các Dự án quốc tế hỗ trợ cải cách hành chính, trong 2 năm 1998-1999, Bộ trưởng – Trưởng Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã quyết định thành lập các Ban Quản lý Dự án gồm Ban Quản lý Dự án ADB/3023/VIE, Ban Quản lý Dự án Quốc gia UNDP/VIE/97/001, Ban Quản lý Dự án Na Uy, Ban Quản lý Dự án Việt Nam - Sida (Thụy điển).

Trong thời kỳ này đội ngũ cán bộ lãnh đạo Ban đã có sự thay đổi và bổ sung đáng kể: Năm 1996, đồng chí Phan Ngọc Tường nghỉ quản lý, đồng chí Đỗ Quang Trung, ủy viên Trung ương Đảng, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch được bổ nhiệm giữ chức Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ. Năm 1997, đồng chí Trần Công Tuynh, Phó Trưởng ban Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ nghỉ hưu, tháng 10-1997, đồng chí Đặng Quốc Tiến – Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ. Nhằm tăng cường đội ngũ lãnh đạo, bên cạnh các đồng chí Phó Trưởng ban Tô Tử Hạ, Nguyễn Khắc Thái, lãnh đạo Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đề nghị Chính phủ và cấp trên xem xét, bổ nhiệm hai đồng chí Phó Trưởng ban, đó là: đồng chí Thang Văn Phúc, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức Nhà nước (năm 1998); đồng chí Nguyễn Trọng Điều, Cục trưởng Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước (năm 1999). Cùng với việc tăng cường đội ngũ lãnh đạo Ban, lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc Ban cũng được tăng cường, kiện toàn một bước.

Để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu tổ chức mới, đội ngũ cán bộ, công chức của Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ trong thời gian này đã được tăng nhanh về số lượng: từ khoảng 100 người vào cuối 1994 đã lên tới khoảng 250 người vào giữa năm 2002 (không kể số cán bộ, công chức của Cục Lưu trữ nhà nước). Bên cạnh việc tăng cường bổ sung về mặt số lượng,

Ban đã quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Ban đã chủ trương tuyển lựa tiếp nhận bổ sung công chức vào các đơn vị thuộc Ban theo nguyên tắc đảm bảo chất lượng, không chạy theo số lượng. Trong thời gian này nhiều công chức có kinh nghiệm tại các đơn vị khác chuyển đến, sát cánh cùng số cán bộ, công chức sẵn có kinh nghiệm, một số cán bộ trẻ được bổ sung, sự đan xen về nghề nghiệp, tuổi tác, ngạch bậc đã tạo ra cơ cấu mới trong đội ngũ cán bộ, công chức góp phần thực hiện các nhiệm vụ với chất lượng ngày càng cao hơn. Trong đội ngũ cán bộ, công chức của Ban hầu hết đều có trình độ đại học, trong đó số người có trình độ trên đại học, trình độ lý luận chính trị cao cấp, trung cấp ngày càng tăng. Ngày càng có nhiều cán bộ, công chức được bồi dưỡng thêm về kiến thức quản lý hành chính nhà nước, về ngoại ngữ và kiến thức tin học. Tinh thần trách nhiệm trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, nhiệt tình công tác, tính tự giác, tích cực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ ... là những phẩm chất chung của đội ngũ cán bộ, công chức của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Với vai trò là cơ quan ngang Bộ theo cơ cấu Chính phủ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã đảm đương các nhiệm vụ tham mưu xây dựng chính sách, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện, thanh tra kiểm tra trên các lĩnh vực xây dựng thể chế, quản lý tổ chức bộ máy, công chức viên chức, chính quyền địa phương, địa giới hành chính, lưu trữ nhà nước và các lĩnh vực khác... do Chính phủ giao, bước đầu làm việc một cách có nền nếp và trật tự của cơ quan quản lý tổ chức và nhân sự quốc gia.

II- XÂY DỰNG TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Bước vào những năm đầu 1990, công cuộc đổi mới đạt được một số thành tích quan trọng nhất là trong lĩnh vực kinh tế, tạo tiền đề để triển khai toàn diện, trong đó có lĩnh vực xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước. Tháng 6-1991, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII chủ trương cải cách bộ máy nhà nước để đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới đất nước. Văn kiện Đại hội đã chỉ rõ: "Tiếp tục cải cách *bộ máy nhà nước* theo phương hướng: Nhà nước thực

sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ"¹.

Ở lĩnh vực này trước đó diễn ra chậm chạp, bước đi chưa rõ, thiếu đồng bộ; vì vậy trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII chỉ rõ: *Cho đến nay "chưa thực hiện được cuộc cải cách cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước"* như Đại hội VI đề ra. Vì vậy, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII nhấn mạnh: *"Tiếp tục thực hiện một cuộc cải cách lớn về bộ máy nhà nước"*, kiên quyết sắp xếp lại tổ chức và tinh giản biên chế cơ quan hành chính sự nghiệp ngay từ năm 1991 làm cho bộ máy gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả hơn.

Quá trình tìm kiếm mô hình tổ chức nhà nước phù hợp với công cuộc đổi mới đất nước trong bối cảnh thế giới phức tạp, gặp nhiều khó khăn cả mặt lý luận lẫn thực tiễn. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến việc hoạch định đường lối xây dựng nhà nước vững mạnh. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (tháng 1-1995) tập trung bàn và ra Nghị quyết tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đề ra các nguyên tắc cơ bản xây dựng nhà nước. Hội nghị đề ra phương hướng, nhiệm vụ cấp bách trước mắt là: Cải cách thủ tục hành chính; chấn chỉnh tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính đáp ứng yêu cầu đổi mới; từng bước hoàn thiện chế độ công vụ và quy chế công chức. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6-1996) nhấn mạnh: Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 8-1999) tiếp tục khẳng định: nhiệm vụ đổi mới tổ chức, bộ máy của cả hệ thống chính trị là yêu cầu vừa cấp bách, vừa lâu dài của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.91.

Thực hiện đường lối của Đảng, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tích cực tham gia xây dựng Hiến pháp mới, nhất là về tổ chức bộ máy nhà nước nói chung và bộ máy hành chính nhà nước nói riêng. Đồng thời, năm 1992, Ban cũng đã chủ trì soạn thảo đề báo cáo Chính phủ trình Quốc hội Luật Tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử Hội đồng nhân dân, Luật lập Hội (1994) theo tinh thần Hiến pháp năm 1992, Ban đã tham mưu xây dựng các đề án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức chính phủ mới theo hướng tinh gọn hơn, sáp nhập một số bộ và cơ quan thuộc Chính phủ để giảm bớt đầu mối của Chính phủ và thuộc Chính phủ. Cụ thể là trong nhiệm kỳ Chính phủ 1987 - 1992. Hội đồng Bộ trưởng gồm có 32 thành viên, trong đó có 7 Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, 24 Bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm có 23 bộ và 5 cơ quan ngang bộ. Đến nhiệm kỳ Chính phủ 1992- 1997, thời gian đầu (1992) có 35 thành viên Chính phủ, trong đó gồm 3 Phó Thủ tướng và 31 Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ (có một số Bộ trưởng được phân công đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ; cơ cấu tổ chức của Chính phủ những năm đầu có 20 Bộ và 7 cơ quan ngang Bộ; nhưng đến năm 1995, đã sắp xếp lại 8 Bộ thành 3 Bộ bằng cách sáp nhập một số Bộ với nhau đó là hợp nhất 3 Bộ: Công nghiệp nặng, Công nghiệp nhẹ và Năng lượng thành Bộ Công nghiệp; hợp nhất 3 Bộ: Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp và Thủy lợi thành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hợp nhất ủy ban Kế hoạch nhà nước và ủy ban nhà nước về Hợp tác và đầu tư thành Bộ Kế hoạch và đầu tư. Do đó lúc này chỉ còn 23 Bộ và cơ quan ngang Bộ.

Căn cứ Hiến pháp năm 1992, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 15/CP ngày 02-3-1993 *quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ*. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tích cực nghiên cứu đề xuất với Chính phủ các phương án sắp xếp, kiện toàn lại bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Từ những kiến nghị cụ thể, Ban đã thẩm định và trình Chính phủ dự thảo các Nghị định quy định

chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các Bộ, ngành. Đến hết năm 1993 có 15/27 Bộ, 18/26 cơ quan thuộc Chính phủ đã được Chính phủ ban hành Nghị định về nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy. Số Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ còn lại được Chính phủ ban hành các Nghị định tiếp theo vào năm 1994.

Để triển khai các văn bản pháp luật mới, cán bộ của Ban đã thực hiện công tác hướng dẫn kiểm tra và đôn đốc các cơ quan nhà nước ở Trung ương sắp xếp, điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức bộ máy để thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ mới.

Trong thời gian trên từ năm 1992 đến năm 1994, Ban đã cùng với một số Bộ, Ban, ngành nghiên cứu, đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước, trình Chính phủ phương án tổ chức lại các doanh nghiệp nhà nước, bước đầu hình thành các Tổng Công ty nhà nước 90, 91; tăng các quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp, giảm vai trò chủ quản của các Bộ, đưa hoạt động của các doanh nghiệp theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thích ứng với các quan hệ thị trường đã và đang được xác lập.

Quán triệt các Nghị quyết của Đảng và tinh thần cải cách hành chính, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã xây dựng các dự án, tổ chức sắp xếp lại các Bộ quản lý ngành cho gọn nhẹ hơn để phù hợp với chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, giảm sự can thiệp trực tiếp vào quản lý sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, tiến tới xóa bỏ chế độ Bộ chủ quản, đó là: tách nhiệm vụ quản lý vốn và tài sản từ các Bộ chuyển giao cho Cục Quản lý Vốn và Tài sản doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính. Ban đã tích cực cùng các cơ quan mới được thành lập giải quyết những khó khăn vướng mắc về tổ chức, cán bộ, xây dựng biên chế cụ thể ở mỗi cơ quan, giải quyết về nhân sự dôi ra, sớm đưa bộ máy các Bộ mới vào hoạt động để thực hiện kịp thời nhiệm vụ quản lý; chỉ sau 2 tháng triển khai các cơ quan trên đã đưa vào hoạt động, vận hành theo chức năng và nhiệm vụ mới của mình. *Mặt khác*, Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ đã đôn đốc thành lập các Tổng Công ty nhà nước để tiến tới xây

dựng thành các tập đoàn sản xuất kinh doanh mạnh. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ cùng Ban Đổi mới doanh nghiệp trình Chính phủ thành lập 17 Tổng Công ty theo Quyết định số 91/TTg và trên 300 Tổng Công ty theo Quyết định số 90/TTg. Các Tổng công ty tổ chức Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành. Ban đã thẩm định và trình Chính phủ bổ nhiệm kịp thời các cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước; giúp cho các doanh nghiệp thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, tạo ra những bước phát triển mới cho những năm sau.

Trong thời gian này, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã cùng với các Bộ, ngành tiến hành rà soát điều chỉnh một bước chức năng nhiệm vụ, sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, góp phần củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước ở Trung ương, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Trong hai năm 2001 và 2002, để triển khai chương trình xây dựng pháp luật của Chính phủ đề trình Quốc hội nhiệm kỳ mới (2001-2006), Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu kiến nghị sửa đổi một số điều của Hiến pháp năm 1992, chủ trì và xây dựng Luật Tổ chức Chính phủ (2001). Quán triệt tinh thần cải cách hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã đề xuất, sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung mới trong Luật Tổ chức Chính phủ (2001), trong đó đáng chú ý là đã phân định rõ hơn 3 chức năng của Chính phủ và các Bộ: Chính phủ quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; chức năng quản lý cung ứng các dịch vụ công và chức năng đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Từ đó tạo cơ sở để tách bạch giữa quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh, giữa quản lý hành chính với hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công trong chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy chính phủ nói riêng cũng như trong bộ máy hành chính nhà nước nói chung. Đồng thời, Luật Tổ chức Chính phủ (2001) cũng đã quy định cụ thể hơn nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tập

thể Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ.

Những đổi mới trong Luật Tổ chức Chính phủ (2001) làm cơ sở quan trọng cho việc tổ chức lại bộ máy Chính phủ và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ nhiệm kỳ 2002-2007, giảm mạnh (khoảng 50%) các cơ quan thuộc Chính phủ, giải thể đại bộ phận các ủy ban, ban phối hợp liên ngành, góp phần giảm bớt các đầu mối của Chính phủ.

III- XÂY DỰNG, CƯỜNG CỐ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Trong thời gian từ 1992-2002, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ được giao tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và giúp Chính phủ hướng dẫn, chỉ đạo công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994-1999 và nhiệm kỳ 1999- 2004; Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997 - 2002 và Bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Ban đã chủ động triển khai một cách tích cực, có kết quả trong toàn quốc nhiệm vụ quan trọng này. Thực hiện Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 06-8-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và thi hành Nghị định số 81/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi); Chỉ thị số 407/CT-TTg ngày 08-8-1994 của Thủ tướng Chính phủ về cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994-1999, Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ ra Thông tư số 107/TCCP hướng dẫn kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994-1999.

Thực hiện nhiệm vụ thường trực Ban chỉ đạo bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các địa phương của Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã triển khai chỉ đạo, hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 1994-1999 với tất cả các đơn vị hành chính trong cả nước. Việc tổ chức bầu cử các địa phương được

tiến hành trong không khí dân chủ hơn, mọi công dân thực hiện quyền làm chủ của mình để lựa chọn những đại biểu xứng đáng vào các cơ quan chính quyền địa phương các cấp. Ngay sau bầu cử, các địa phương đã tổ chức họp Hội đồng nhân dân bầu ra lãnh đạo Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, bộ máy lãnh đạo chính quyền địa phương các cấp khoá 1994 - 1999 sớm được kiện toàn, đi vào hoạt động, đã lãnh đạo nhân dân địa phương mình hăng hái thi đua sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống và từng bước phát triển, đẩy lùi dần tình trạng nghèo nàn lạc hậu, tạo sự ổn định chính trị – xã hội ở địa phương, phá tan âm mưu của các thế lực thù địch chia rẽ phá hoại, gây rối ren làm mất ổn định chính trị - xã hội.

Năm 1999, đã tổ chức hội nghị triển khai công tác bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Tiếp đó ngày 4-10-1999 tổ chức hội nghị giao ban bầu cử. Do có chuẩn bị chu đáo và được phổ biến tỉ mỉ, cụ thể kế hoạch bầu cử chung, nên các địa phương đã triển khai đồng đều cả về nội dung lẫn hình thức, các hình thức tuyên truyền cổ động gây không khí phấn khởi cho mọi người dân khi đi bầu cử. Các đại biểu được đề cử, được nhân dân giới thiệu nói chung đều có đủ tiêu chuẩn, và có chương trình tiếp xúc với cử tri làm cho nhân dân được trao đổi, tiếp xúc, được chất vấn người mình lựa chọn. Không khí dân chủ phấn khởi và tin tưởng vào những đại biểu lựa chọn trong bầu cử đã làm nhân dân tin tưởng hơn vào chính quyền nhà nước. Kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (1994 – 1999) và (1999 – 2004) đã lựa chọn đủ số đại biểu cho chính quyền địa phương các cấp, lựa chọn được những người có đức, có tài vào bộ máy chính quyền nhà nước. Các cuộc bầu cử diễn ra đúng kế hoạch, thu được kết quả tốt đẹp, nhân dân phấn khởi tin tưởng vào những đại biểu mình lựa chọn. Tuy nhiên, một số xã, phường có những sai sót, nhân dân thắc mắc phải tiến hành bầu lại. Đó là những trường hợp ở những nơi chính quyền yếu kém, tổ chức không chu đáo, vi phạm quy chế bầu cử, đã được Ban Chỉ đạo Bầu cử Trung ương cho tiến hành bầu lại. Việc bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chính quyền địa phương đạt kết quả tốt đẹp là một nhân tố quan trọng để củng cố chính quyền nhà nước trong điều kiện trình độ dân trí

ngày một nâng cao, đòi hỏi mở rộng quyền dân chủ công khai trong lựa chọn đại biểu của mình. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ với nhiệm vụ thường trực Ban chỉ đạo Bầu cử Trung ương đã tích cực đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung Luật bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Những nội dung đề xuất của Ban được Nhà nước xem xét và bổ sung vào bộ luật làm cho công tác bầu cử ngày càng dân chủ hơn, nhân dân thấy rõ hơn quyền lợi và trách nhiệm của mình để lựa chọn đại biểu xứng đáng đại diện cho quyền lợi của mình.

Cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ (1994-1999) có hơn “40.523.947 cử tri cả nước đi bầu cử, đạt trên 98%. Kết quả: số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bầu được 3.107 đại biểu, cấp huyện bầu 17.207 đại biểu, cấp xã bầu 218.666 đại biểu. Sau đó, 6 đơn vị cấp tỉnh, 35 đơn vị cấp huyện và 636 đơn vị cấp xã tiến hành bầu bổ sung đại biểu theo luật định”¹.

Trong cuộc “bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004, cả nước có 46.293.476 cử tri tham gia bầu cử. Kết quả: 3.462 người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, 18.908 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và 220.294 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã”². Cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004 có số người tự ứng cử ở cấp xã tăng và tỷ lệ trúng cử cao hơn so với nhiệm kỳ 1994-1999. Chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ “nữ tăng 2%; tỷ lệ người ngoài Đảng tăng 2%, đại biểu trẻ tuổi ở cấp xã tăng 23,83%”¹.

Sau khi lựa chọn được đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004, vào tháng 3-2000, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tổ chức tập huấn

1. Báo cáo tổng kết công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994-1999, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ.

2. Báo cáo tổng kết công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ.

1. Báo cáo tổng kết công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ.

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp để bồi dưỡng nghiệp vụ cơ bản khi các đại biểu thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong Hội đồng. Thông qua tập huấn, trình độ nhận thức, hiểu biết về quy chế hoạt động của các đại biểu được nâng lên, khắc phục được những bất cập, hạn chế, đặc biệt với đại biểu lần đầu trúng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Điều chỉnh địa giới hành chính và quản lý đô thị

Theo Chỉ thị số 364/CT ngày 06-11-1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính tỉnh, huyện và xã, Ban đã chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai tích cực công tác này. Đến hết năm 1993 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã hoàn thành lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật để thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã nghiên cứu kỹ điều kiện địa lý tự nhiên, điều kiện lịch sử hình thành ranh giới, các xã, phường, thị trấn, quận huyện, thị xã để trình Chính phủ phân định địa giới, các địa phương từ xã phường, thị trấn đến quận huyện, thị xã, thành phố. Thực hiện việc kiểm tra đôn đốc, thực hiện nghiêm các đường ranh giới đã phân định, giúp Chính phủ giải quyết những vướng mắc về địa giới, trình Chính phủ để xác định rõ những tranh chấp hiện tại của các địa phương và hướng giải quyết những vụ tranh chấp địa giới, góp phần xây dựng địa giới ổn định giữa các tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã và ranh giới cụ thể giữa các xã, phường, thị trấn, cơ bản giải quyết việc khiếu nại, kiện cáo kéo dài, gây khó khăn trong nội bộ nhân dân về địa giới, giúp cho không khí đoàn kết và thân thiện giữa các đơn vị hành chính và các vùng giáp ranh, giữa các đơn vị trong vùng.

Tháng 12-1994, hội nghị sơ kết thực hiện Chỉ thị số 364/CT về giải quyết tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã do Ban chủ trì với đầy đủ đại biểu các tỉnh, thành phố tham gia, đã sơ kết đánh giá những kết quả đạt được của việc phân vạch địa giới hành chính tạo điều kiện

để ổn định các đơn vị hành chính địa phương nước ta.

Từ năm 1992 đến năm 1996, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã cùng với các địa phương xác định địa giới các huyện, xã trên các vùng của đất nước. Đây là một kết quả quan trọng để làm rõ ràng địa giới quản lý của từng đơn vị, giải quyết những tranh chấp xảy ra trong nội bộ các đơn vị hành chính, loại bỏ cơ hội cho những kẻ xấu xúi bẩy, phá hoại gây chia rẽ các đơn vị hành chính, phá hoại sự bình yên của nhân dân ta. Việc phân định địa giới rõ ràng cũng là kết quả làm việc cụ thể và khoa học của chính quyền các cấp - tạo điều kiện xây dựng và củng cố đơn vị hành chính của chính mình.

Thực hiện chỉ thị số 364/CT, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã gặp gỡ trao đổi giải quyết với chính quyền các đơn vị có liên quan đến việc tranh chấp đất đai. Đến năm 1996 việc giải quyết tranh chấp đã được giải quyết cơ bản cùng với địa giới hành chính các tỉnh, huyện, xã được xác định. Tranh chấp đất đai và địa giới đã tồn tại từ lâu cũng là hậu quả của những quyết định của cơ quan thẩm quyền mang tính chủ quan áp đặt đã gây ra những thắc mắc ám ức từ lâu ở mỗi địa phương, cộng với những quyết định chia tách, sáp nhập xảy ra nhiều lần do những sai lầm chủ quan, phiến diện gây ra. Sau nhiều lần bàn bạc giải quyết có lý có tình, các địa phương đã xác định được địa giới của mình, yên tâm phấn đấu để xây dựng địa phương. Trước khi thực hiện Chỉ thị số 364/CT cả nước có 2.544 điểm tranh chấp, trong đó có 352 điểm cấp tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện đã phát sinh thêm 81 điểm tranh chấp cấp tỉnh. Cuối năm 1996 đã giải quyết được 2.598 điểm, trong đó có 419 điểm cấp tỉnh, còn tồn tại 27 điểm (tuyến) do lịch sử để lại rất phức tạp.

Năm 1996, Quốc hội thông qua việc chia tách các tỉnh Minh Hải, Cửu Long, Sông Bé, Phú Khánh, Quảng Nam-Đà Nẵng, Nam Hà, Bắc Thái, Hà Bắc, Vĩnh Phú, Hải Hưng thành các tỉnh: Cà Mau, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bình Dương, Bình Phước, Phú Yên, Khánh Hoà, Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng, Nam Định, Hà Nam, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã làm việc với các tỉnh theo dõi phân chia địa giới, xây dựng chính quyền mới, sắp xếp,

điều chuyển đội ngũ cán bộ, công chức. Chỉ trong vòng 1 năm, các tỉnh mới đã bước vào làm việc ổn định, địa giới được xác định rõ ràng. Tuy có một vài điểm còn tranh chấp, đến năm 2000 đã dần xếp xong việc phân chia địa giới. Các tỉnh mới tách ra đã sớm củng cố khu hành chính mới, xây dựng trụ sở cơ quan, triển khai công tác quản lý, chỉ trong vòng 2 năm sau khi tách tỉnh các hoạt động đã trở lại nền nếp. Đến cuối năm 1996, cả nước có 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Về quản lý đô thị, do điều kiện kinh tế phát triển, bộ mặt đô thị thay đổi nhanh từng ngày; công tác xây dựng và quản lý đô thị đòi hỏi cũng phải tiến kịp với tốc độ phát triển hiện tại. Để giải quyết những bất cập, yếu kém trong quản lý đô thị, vào giữa những năm 1990, quán triệt các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa VII, Hội nghị Trung ương 3, khóa VIII về cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tập trung vào việc nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tiễn và học tập kinh nghiệm nước ngoài về tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị, phân biệt sự khác nhau về tính chất, đặc điểm của quản lý nhà nước giữa đô thị và nông thôn, đề xuất, phương án thí điểm mô hình mới tổ chức chính quyền đô thị phù hợp với đặc điểm tính chất của quản lý đô thị, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8, khóa VII. Tuy trong thực tế chưa được tổ chức thí điểm nhưng những kết quả nghiên cứu và những đề xuất kiến nghị đã được xem xét, vận dụng trong việc soạn thảo các văn bản pháp luật điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân thuộc các loại hình đô thị ở nước ta. Trong thời gian này, Ban tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã cùng với các cơ quan hữu quan tổ chức nhiều cuộc hội thảo, hội nghị để trao đổi, góp ý kiến xây dựng văn bản quy định về phân cấp quản lý nhà nước ở đô thị và phân loại đô thị. Ngày 9-6-2000, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tổ chức thành công cuộc hội thảo phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh. Các tiêu chí phân loại do Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trình bày được sự hưởng ứng và bổ sung của các nhà quản lý, các nhà khoa học, các chuyên gia. Ngày 13-6-2000, Ban lại tổ chức

hội thảo về phân cấp quản lý giữa cơ quan Trung ương và địa phương. Nhiều cuộc họp trao đổi về phân loại và phân cấp diễn ra giúp cho việc chuẩn bị phân loại, phân cấp các đơn vị hành chính phù hợp với điều kiện thực tế dựa trên những cơ sở khoa học, và thực tiễn, tạo điều kiện cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách đổi mới cơ chế quản lý đô thị ở nước ta. Ngày 5-10-2001, theo đề nghị của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 72/2001/NĐ-CP về phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị. Nghị định số 72/2001/NĐ-CP của Chính phủ đã nêu rõ những tiêu chí để xem xét khi phân loại đô thị của nước ta, phương pháp xác định các tiêu chí và xét duyệt các đô thị thông qua Hội đồng do Bộ Xây dựng thành lập. Trên cơ sở đô thị đã được phân loại, theo đề nghị của địa phương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trình Chính phủ quyết định cấp quản lý đô thị là thành phố hay thị xã.

Công tác quản lý đô thị, kể cả tổ chức bộ máy chưa phải đã đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở các đô thị, song việc phân loại, phân cấp quản lý đô thị đã góp phần nâng cao chất lượng quản lý, đưa các đô thị nước ta trở nên hiện đại, khang trang và đẹp đẽ hơn, đáp ứng đòi hỏi của quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng ở nước ta hiện nay, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước.

3. Xây dựng chính quyền cơ sở và phát huy dân chủ ở cơ sở

Vào những năm 1997, 1998 tình trạng khiếu kiện kéo dài xảy ra ở một số địa phương: Thái Bình, Nam Định, Hà Tây, Hải Dương... gây nên mất ổn định tại một số cơ sở xã, phường, nhân dân thắc mắc gửi đơn kiện và tập trung tại trụ sở Ủy ban nhân dân đòi giải quyết kiến nghị của mình. Tình hình đó có một nguyên nhân quan trọng là do chưa phát huy được dân chủ cơ sở, chưa có thể chế cụ thể để nhân dân tham gia có kết quả vào các công việc quản lý các mặt về đời sống kinh tế – xã hội ở cơ sở. Để góp phần phát huy dân chủ, thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư về xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã nghiên cứu, tham mưu trình Chính phủ ban hành

Nghị định số 29/CP ngày 11-5-1998 về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

Quy chế dân chủ cơ sở được ban hành, cùng thời gian trên Quy chế dân chủ ở cơ quan nhà nước và Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước cũng được ban hành. Việc ban hành các quy chế dân chủ, trong đó đã quy định rõ những việc dân được biết, được bàn, được quyết định và được kiểm tra, đã thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước với nguyện vọng của nhân dân, hạn chế được các hiện tượng tiêu cực, cửa quyền áp đặt của những cán bộ, công chức cấp xã khi thi hành công vụ phục vụ nhân dân. Đặc biệt là quy chế dân chủ cơ sở đã làm thay đổi một phần quan hệ giữa chính quyền cơ sở với nhân dân. Nhân dân hồ hởi vui vẻ đón nhận và thực hiện quy chế dân chủ, các hiện tượng khiếu kiện của dân đã giảm đi rất nhiều. Quy chế dân chủ ban hành đã phát huy quyền dân chủ của nhân dân, quần chúng đã được giám sát các hoạt động của chính quyền, nó cũng đòi hỏi chính quyền phải thực hiện công khai minh bạch trong giải quyết công việc có liên quan đến quyền lợi của dân. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tổ chức tập huấn thực hiện quy chế dân chủ ở nhiều khu vực khác nhau, trong đó ngày 27-01-1999, Ban đã tổ chức hội nghị xây dựng chính quyền và triển khai quy chế dân chủ ở 4 tỉnh Tây Nguyên. Cuộc hội nghị tạo điều kiện tốt để các tỉnh Tây Nguyên nhận thức đầy đủ và vận dụng quy chế dân chủ cơ sở trong hoạt động của chính quyền cấp xã, phường, thị trấn khu vực Tây Nguyên.

Đồng thời với việc triển khai phổ biến tập huấn về quy chế dân chủ cơ sở, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tổ chức giải quyết dứt điểm những vụ khiếu kiện tồn đọng lâu ngày, những tranh chấp địa giới tồn tại giữa các địa phương, giúp cho công tác phân vùng địa giới và những thắc mắc khác của dân được giải đáp, tạo nên niềm tin của nhân dân với chính quyền, nhất là cấp cơ sở.

Sự đóng góp của Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ vào công tác xây dựng chính quyền cơ sở, đặc biệt là việc tổ chức triển khai quy chế dân chủ cơ sở trên phạm vi cả nước đã mang lại những kết quả thiết thực. Cùng với việc tích cực phấn đấu giải quyết khiếu kiện của dân đã đóng góp tích cực vào việc xây

dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, góp phần ổn định chính trị cho nhiều khu vực trên đất nước, tạo nên môi trường lành mạnh, giúp cho cuộc sống hoà bình ổn định xây dựng và phát triển kinh tế của nhân dân được bình yên và thuận lợi.

Trong thời gian trên, để giải quyết những vướng mắc ở những địa bàn có những vấn đề chính trị - xã hội phức tạp, Ban Tổ chức Cán bộ - Chính phủ đã tổ chức hội nghị củng cố chính quyền cơ sở. Ngày 30-7-1996 và 29-7-2001 Ban đã tổ chức các Hội nghị xây dựng chính quyền ở Tây Nguyên, góp phần xây dựng các giải pháp cần thiết để củng cố chính quyền, ổn định chính trị - xã hội và đẩy mạnh phát triển kinh tế tại các tỉnh Tây Nguyên nước ta.

Từ nhận thức ngày càng rõ hơn về vị trí, vai trò quan trọng của các cấp chính quyền cơ sở cũng như hệ thống chính trị cơ sở trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX chủ trương cần phải có một Nghị quyết về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở. Theo sự chỉ đạo của Chính phủ, năm 2001 Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ bắt tay vào việc nghiên cứu, xây dựng đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu lực của chính quyền cơ sở”. Sau gần một năm khẩn trương xây dựng, đề án đã được trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ để trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ban hành Nghị quyết “Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn” (Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX) vào tháng 3-2002. Nghị quyết Trung ương 5 đã xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cơ sở, của Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp cơ sở, phân biệt rõ 2 loại đối tượng cán bộ cơ sở là cán bộ chuyên trách và cán bộ không chuyên trách.

Cán bộ chuyên trách là những cán bộ phải dành phần lớn thời gian lao động làm việc công để thực hiện chức trách được giao, bao gồm:

- Cán bộ giữ chức vụ qua bầu cử gồm: cán bộ chủ chốt của cấp ủy đảng, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, những người đứng đầu ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội.

- Cán bộ chuyên môn được ủy ban nhân dân tuyển chọn gồm: công an

trưởng, xã đội trưởng, cán bộ văn phòng, địa chính, tài chính - kế toán, tư pháp, văn hóa - xã hội. Số lượng cán bộ chuyên trách do Chính phủ quy định.

...*Cán bộ không chuyên trách* là những người chỉ tham gia việc công trong một phần thời gian lao động”¹.

Nghị quyết Trung ương 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở tạo nhận thức mới và quan điểm cơ bản chỉ đạo việc ban hành các thể chế, chính sách, xây dựng, củng cố chính quyền cơ sở và đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở.

4. Hoàn thiện chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn

Trong những năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, kinh tế đất nước từng bước phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện một bước, tuy nhiên, cơ chế kinh tế thị trường đã làm nới rộng khoảng cách giàu nghèo, sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn. Đây là một thực tế tác động đến đội ngũ cán bộ cơ sở. Nhiều cán bộ không muốn tham gia công tác tại xã. Một trong những nguyên nhân tác động đến hoạt động của đội ngũ cán bộ cấp xã là một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động ở bộ máy cấp xã chưa thoả đáng, sinh hoạt phí thấp và còn bất hợp lý giữa các đối tượng cán bộ cơ sở, các chế độ bảo hiểm không được quy định... Sau nhiều lần nghiên cứu xem xét, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tham mưu, xây dựng các văn bản đề nghị Chính phủ bổ sung chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn. Căn cứ vào đề nghị của Ban và các cơ quan liên quan, ngày 26-7-1995, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 50/CP quy định chế độ sinh hoạt phí đối với cấp xã. Tháng 6-1996 Chính phủ lại ban hành Quyết định số 394/CP về chế độ sinh hoạt phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Ngày 23-1-1998 Chính phủ ban hành Nghị định số 09/CP quy định chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã phường thị trấn. Những quy định trên đã xác định mức sinh hoạt phí của cán bộ lãnh đạo và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.178.

cán bộ chuyên môn công tác tại xã, phường, thị trấn. Mức quy định trên so với trước đây đã được nâng lên và số lượng người được hưởng cũng tăng lên, đáp ứng một phần nguyện vọng của đội ngũ cán bộ lãnh đạo cơ sở. Bên cạnh việc giải quyết chế độ cho cán bộ lãnh đạo cấp xã, Chính phủ còn quan tâm đến việc củng cố chính quyền và tăng cường đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng cho xã. Tháng 3-1999 Chính phủ ban hành Quyết định số 42/QĐ về tăng cường có thời hạn cán bộ, công chức làm xoá đói giảm nghèo tại khu vực các xã nghèo nước ta. Tháng 6-2002 Chính phủ ban hành Quyết định số 85/QĐ về đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cấp xã. Quyết định đã chỉ rõ nhiệm vụ hiện tại là xác định chức năng nhiệm vụ của chính quyền cơ sở, đổi mới và nâng cao hiệu lực của Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, xây dựng đội ngũ và chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở, giao quyền tự chủ về tài chính cho chính quyền cơ sở và từng bước đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Những quy định trên là phương hướng và nhiệm vụ cụ thể tiến hành xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, góp phần củng cố thêm hệ thống chính trị cơ sở của ta hiện nay.

Để góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở, Ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ đã chuẩn bị dự thảo và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 57/TTg quy định chế độ trợ cấp cho cán bộ các xã miền núi nhằm hỗ trợ và khuyến khích cán bộ cấp xã miền núi khắc phục một phần khó khăn trong cuộc sống để tham gia công tác nhiều hơn giúp các xã miền núi đưa dần phong trào lao động sản xuất phát triển, góp phần xoá đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống, xây dựng đời sống văn minh, tiến bộ, đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở vùng núi, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số.

IV- XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Công tác cán bộ luôn là vấn đề quan trọng nhất là trong thời kỳ đổi mới. Vì vậy, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ra Nghị

quyết về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết khẳng định: “Có chiến lược cán bộ đúng đắn, xây dựng được đội ngũ cán bộ có đủ đức, đủ tài là điều kiện quyết định để chuẩn bị cho Đảng và dân tộc ta đi vào thế kỷ XXI”¹. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ tập trung vào những nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế quản lý công chức, viên chức nhà nước

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng đủ, cơ cấu hợp lý, có năng lực, trình độ và kỹ năng thực thi công vụ, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã tham mưu trình Chính phủ các chủ trương, biện pháp, soạn thảo các văn bản pháp luật để đổi mới, hoàn thiện từng bước thể chế công vụ.

Trong nhiều năm phấn đấu, việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đã đạt được những kết quả quan trọng bước đầu đáng ghi nhận. Việc hình thành một đội ngũ công chức chuyên nghiệp, thạo việc, trung thành, tận tụy của nền hành chính nhà nước đòi hỏi phải có những chế tài đầy đủ và cụ thể, đặc biệt là quy định rõ chức năng nhiệm vụ quyền hạn trong thực thi công vụ. Với chức năng của mình, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã chủ trì nghiên cứu xây dựng dự thảo Pháp lệnh Công chức Nhà nước. Dự thảo Pháp lệnh đã được chỉnh sửa hàng chục lần. Nhiều nhà khoa học nhà quản lý đã tham gia ý kiến bổ sung vào dự thảo. Bộ Chính trị đã họp cho ý kiến chỉ đạo vào tháng 5-1995, sau đó được bổ sung thêm vào cuối năm 1996. Ý kiến của Bộ Chính trị nêu rõ Pháp lệnh cần phải bao hàm đầy đủ những cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị, không nên tách rời giữa cán bộ và công chức, vì vậy đã đặt tên cho pháp lệnh là Pháp lệnh Cán bộ, công chức. Trong ý kiến góp ý, cố Thủ tướng Phạm Văn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.101.

Đồng lúc đó là Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng chỉ rõ: Công chức phải là công bộc của dân, lấy nhiệm vụ phục vụ nhân dân là lẽ sống và mục tiêu hoạt động của công chức. Các ý kiến trên được Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đưa vào nội dung của Pháp lệnh, qua nhiều lần điều chỉnh sửa đổi và ngày 26-02-1998, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Cán bộ, công chức. Ngày 09-3-1998, Pháp lệnh này đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ban hành.

Pháp lệnh Cán bộ, công chức năm 1998 gồm 7 Chương 48 điều quy định rõ phạm vi, đối tượng, nghĩa vụ, quyền lợi cán bộ, công chức nhà nước, quy định việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật điều động biệt phái. Pháp lệnh cũng xác định rõ nội dung công tác quản lý cán bộ, Công chức, trách nhiệm của công chức, của cơ quan quản lý công chức. Trong Pháp lệnh ghi rõ những điều cấm đối với cán bộ, công chức.

Tiếp đó, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã tham mưu giúp Chính phủ ban hành tiếp các Nghị định số 95/CP, 96/CP, 97/CP về các nội dung chủ yếu của công tác xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, công tác kỷ luật cán bộ, công chức, công tác giải quyết thôi việc đối với cán bộ, công chức. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ cũng đã ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh và các Nghị định trên của Chính phủ.

Một loạt văn bản trên là những quy định tương đối đồng bộ, bao gồm nhiều nội dung điều chỉnh đối với cán bộ, công chức từ khâu tuyển dụng đến khâu sử dụng đánh giá, đề bạt, điều động, biệt phái, chế độ chính sách, tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức nhà nước, tạo ra khuôn khổ pháp luật chủ yếu điều chỉnh các hoạt động của công chức nhà nước và công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, góp phần xây dựng nền công vụ mới của nước ta theo tinh thần cải cách hành chính.

Trước đó, Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã ra các quyết định ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức. Đây là cơ

sở pháp lý quan trọng để tiến hành xây dựng quy hoạch, kế hoạch tổ chức đào tạo bồi dưỡng, xem xét bố trí sử dụng và đánh giá công chức. Đây cũng là căn cứ để tổ chức thi tuyển, thi nâng ngạch hàng năm. Nhờ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ, các địa phương có căn cứ để xem xét đánh giá và xây dựng các đề thi, bài thi tuyển dụng công chức, viên chức trong vòng thập kỷ qua ở nhiều Bộ ngành và địa phương nước ta.

Sau khi Pháp lệnh Cán bộ, công chức năm 1998 được công bố, cùng hàng loạt Nghị định của Chính phủ ban hành quy định cụ thể thực hiện Pháp lệnh Cán bộ, công chức. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có nhiều Thông tư hướng dẫn thực hiện các Nghị định của Chính phủ về xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức của nước ta. Ban đã khẩn trương triển khai, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các văn bản trên. Nhiều cuộc tập huấn, nhiều cuộc hội thảo và nhiều hội nghị do Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tiến hành nhằm quán triệt và thực hiện các văn bản mới ban hành đã được tổ chức trong thời gian này.

Các địa phương, Bộ, ngành cũng khẩn trương triển khai Pháp lệnh, nhiều tỉnh như: Thái Bình, Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương... đã tập hợp các văn bản trên in thành tập và tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý nhân sự và cán bộ có liên quan. Trong vòng 3 năm sau khi ban hành Pháp lệnh Cán bộ, công chức, việc triển khai tiến hành sôi nổi, sâu rộng. Việc áp dụng những văn bản qui phạm pháp luật đã ban hành tạo ra sự thống nhất trong hoạt động về công tác quản lý nhân sự trong bộ máy hành chính nhà nước ta, chẳng hạn: Công tác tuyển dụng đều qua các kỳ thi đảm bảo sự minh bạch công bằng, việc nâng ngạch cũng qua kỳ thi bảo đảm chất lượng công chức khi được nâng lên ngạch mới; tình trạng tùy tiện trong giải quyết nâng ngạch, nâng bậc, nâng lương trước đây đã dần được khắc phục. Việc triển khai thực hiện Pháp lệnh Cán bộ, công chức mạnh mẽ và đồng đều đã dần trở thành nền nếp trong công tác nhân sự. Pháp lệnh cán bộ, công chức năm 1998 được mọi người quan tâm, thực sự trở thành cơ sở pháp lý trong công tác nhân sự; là cơ sở để giúp cơ quan nhân sự và cán bộ, công chức kiểm tra giám sát trong thi hành công vụ.

Sau khi Pháp lệnh Cán bộ, công chức được ban hành, công tác nhân sự trong bộ máy nhà nước đã có những thay đổi đáng kể, cụ thể là:

Tuyển dụng công chức qua thi tuyển làm thay đổi cách xét tuyển trước đây. Ngày nay mọi ngành, mọi địa phương khi cần tuyển người đã thông báo công khai, tổ chức thi tuyển chặt chẽ. Từ năm 1998 đến năm 2002 ở khối các Bộ, ngành ở Trung ương đã tổ chức được 379 kỳ thi tuyển công chức vào các ngạch thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước và lĩnh vực sự nghiệp, với số lượng người đăng ký thi tuyển là 15.128 người trong đó số người dự thi đạt yêu cầu là 8.578 người; số người được tuyển vào làm việc trong các cơ quan Bộ, ngành qua thi tuyển là 6.334 người. Tuy nhiên việc tuyển dụng qua xét tuyển ở các Bộ, ngành vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần quan tâm cụ thể là: lĩnh vực hành chính là 130 người, lĩnh vực sự nghiệp là 311 người. Theo số liệu tổng hợp báo cáo của 48 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước tính từ năm 1998 đến 2002 đã tổ chức được 370 kỳ thi tuyển công chức vào các ngạch thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước và lĩnh vực sự nghiệp, với số người đăng ký thi tuyển là 234.622 người. Trong đó số người dự thi đạt yêu cầu là 202.420 người, số người được tuyển dụng vào làm việc trong các cơ quan ở các địa phương qua thi tuyển là 161.541 người. Trong một số trường hợp khó khăn của một số địa phương ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo đối với một số ngành như giáo dục, y tế, đã được ưu tiên thực hiện việc thực hiện việc tuyển dụng cán bộ, công chức qua hình thức xét tuyển để đảm bảo bổ sung kịp thời nguồn nhân lực cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ của mình, trong đó ở lĩnh vực hành chính là 337 người, sự nghiệp là 32.457 người. Qua đó cho thấy, thi tuyển là một hình thức tuyển dụng có hiệu quả bảo đảm sự công bằng trong xã hội, tạo cơ hội cho mọi người được tham gia đội ngũ công chức nhà nước.

Thi nâng ngạch được tổ chức từ năm 1997, các ngạch chuyên môn do các Bộ, ngành tổ chức. Riêng ngạch hành chính, trong các năm từ 1998 đến 2002, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ tổ chức kỳ thi hàng năm cho các ngạch chuyên viên chính, kế toán viên chính, kiểm tra viên chính hải quan, kiểm soát

viên chính thuế, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính... với số lượng cán bộ, công chức tham gia là 11.001 người, số người đạt kết quả và đã được bổ nhiệm vào các ngạch chính là 10.6612 người. Ngạch chuyên viên cao cấp tổ chức đầu tiên vào năm 1999 và cho đến năm 2002 đã tổ chức được 4 kỳ thi với số lượng cán bộ, công chức tham gia là 427 người, số người đạt kết quả và được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp là 425 người trong đó kỳ thi năm 1999 ngoài cán bộ, công chức ở các cơ quan hành chính nhà nước còn có cán bộ, công chức làm việc ở các cơ quan Đảng, đoàn thể tham dự. Sau kỳ thi việc xếp lương, bổ nhiệm vào ngạch, giao thêm nhiệm vụ là một nét mới có tác dụng nâng cao về tinh thần và trách nhiệm công tác đối với công chức nhà nước¹.

Chế độ đánh giá công chức hàng năm được thực hiện theo quy chế đánh giá của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ. Các đơn vị thực hiện đầy đủ công tác đánh giá và xếp loại công chức hàng năm. Công tác đánh giá đi dần vào nền nếp là một biện pháp trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, khuyến khích công chức phấn đấu rèn luyện trong công tác, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thi hành công vụ, rèn luyện đạo đức phẩm chất và ý thức phục vụ nhân dân.

Công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo có những đổi mới nhất định. Việc xem xét đánh giá và lựa chọn công chức có đủ đức, tài bổ nhiệm vào những vị trí lãnh đạo quan trọng đều được chuẩn bị chu đáo hơn. Việc lựa chọn cán bộ lãnh đạo đã được xem xét từ 3 nguồn thông tin, đó là: đề xuất của cơ quan quản lý qua theo dõi hàng năm; ý kiến đề xuất của lãnh đạo cơ quan, đơn vị, và lấy ý kiến của cán bộ, công chức thông qua phiếu đề xuất, phiếu hỏi ý kiến về bổ nhiệm cán bộ.

Công tác điều động công chức đã được thực hiện theo các thể thức quy định mới, bảo đảm tính thống nhất trong quy trình làm nhân sự. Giữ được

1. Báo cáo công tác thi tuyển, thi nâng ngạch công chức năm 2002, tài liệu lưu trữ tại Bộ Nội vụ.

nguyên tắc làm việc dân chủ, công tâm, thực hiện đúng chế độ hiện hành. Các cơ sở trong ngành tổ chức nhà nước những năm qua đã giải quyết hàng chục nghìn trường hợp điều động, biệt phái theo yêu cầu nhiệm vụ.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã thực hiện việc hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác luân chuyển cán bộ. Các đơn vị và địa phương thực hiện luân chuyển cán bộ theo kế hoạch cụ thể, đảm bảo được mục đích yêu cầu và thực hiện chính sách đối với cán bộ luân chuyển trong phạm vi cả nước. Kế hoạch luân chuyển cán bộ tập trung vào mục tiêu rèn luyện, thử thách, đánh giá, phát hiện những cán bộ lãnh đạo có năng lực để tập trung bồi dưỡng và giao nhiệm vụ cao hơn. Những ngành và địa phương cần thay thế công chức làm việc ở những nơi nguy hiểm khó khăn, cũng có kế hoạch luân chuyển để đảm bảo sự hài hòa và công bằng trong đội ngũ cán bộ, công chức. Việc thực hiện luân chuyển cán bộ, công chức được các ngành và địa phương triển khai theo kế hoạch đề ra.

Công tác xây dựng nghiệp vụ, quản lý và lưu trữ hồ sơ công chức, xây dựng mã số công chức, làm thẻ công chức được Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xúc tiến khẩn trương. Trong quá trình triển khai dự án của Ban do Tổ chức Sida Thụy Điển hỗ trợ, Ban đã giúp đỡ nhiều đơn vị và địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu của mình, dự án hỗ trợ xây dựng và áp dụng công nghệ thông tin để quản lý công chức được Ban khẩn trương triển khai, chuẩn bị xây dựng mạng quản lý nối các cơ sở dữ liệu nhân sự giữa Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ với Bộ ngành và địa phương đang được Trung tâm tin học triển khai. Quản lý và lưu giữ hồ sơ dữ liệu cán bộ, công chức thuộc Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ quản lý. Sau khi xây dựng xong cơ sở dữ liệu nhân sự, công tác thống kê và quản lý cá nhân cán bộ, công chức được hoàn thiện đầy đủ và kịp thời hơn, tạo điều kiện nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ, công chức.

2. Tăng cường và nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức

Đây là lĩnh vực được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm. Trong thời gian này, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tham mưu cho Chính phủ, đồng thời tổ chức chỉ đạo thực hiện ráo riết mặt công tác quan trọng này. Đầu những năm 1990 thực hiện chủ trương nâng cao chất lượng công chức nhà nước đáp ứng yêu cầu mới của nền hành chính nhà nước, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã coi trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức. Ban đã xây dựng chương trình, kế hoạch, quy hoạch đào tạo, phát triển các cơ sở đào tạo bồi dưỡng, xây dựng trình Chính phủ những chính sách khuyến khích học tập đào tạo bồi dưỡng, đưa nhiệm vụ học tập là một trong những quyền và nghĩa vụ quan trọng của công chức.

Để hướng đội ngũ công chức nhà nước tự nguyện và hăng hái học tập vươn lên, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ quyết định đưa tiêu chuẩn trình độ đào tạo vào tiêu chuẩn ngạch công chức và phải được xem xét khi xét chuyển ngạch, thi nâng ngạch. Điều đó đã khơi dậy trong các công sở phong trào học tập phấn đấu đạt chuẩn của ngạch của cán bộ, công chức nhà nước

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ cũng đã quan tâm nghiên cứu đổi mới nội dung chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức. Trước đây việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức nặng về lý luận, về đường lối chủ trương của Đảng. Từ đầu những năm 1990, trong công tác đào tạo bồi dưỡng đã chú trọng các kiến thức kỹ năng về hành chính, về phương thức quản lý nhà nước. Chương trình bồi dưỡng về quản lý nhà nước được xây dựng cho các khóa bồi dưỡng đối với cán bộ lãnh đạo, đối với chuyên viên, chuyên viên chính và cán bộ xã, phường, thị trấn... Ngoài ra, còn bổ sung chương trình ngoại ngữ, tin học giúp cho công chức có hiểu biết cần thiết về ngoại ngữ, về tin học để sử dụng vào công việc hàng ngày. Ban đã bước đầu tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng theo từng chuyên đề đối với công chức, như kỹ năng sử dụng máy văn phòng, kỹ năng tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân

dân, kỹ năng viết báo cáo và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật...

Trong thời gian này, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã trình Chính phủ các phương án củng cố các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng công chức. Năm 1992, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã quyết định đổi tên trường Hành chính Trung ương thành Học viện Hành chính Quốc gia, mở rộng nhiệm vụ của Học viện từ chỗ bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chính quyền địa phương lên nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho công chức bao gồm kiến thức hành chính học, kiến thức lý luận chính trị và kỹ năng thực thi công vụ. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã sáp nhập Trường Chính trị với Trường Hành chính tỉnh để làm nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức ở địa phương và cơ sở.

Ban cũng trực tiếp tổ chức những lớp bồi dưỡng kỹ năng và bồi dưỡng kiến thức về nhà nước cho các công chức trong ngành, tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác tổ chức nhà nước ở Trung ương và địa phương. “Năm 1993, Ban đã tổ chức 4 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tổ chức của 2 miền Nam, Bắc với tổng số là 330 học viên”¹. Trong hai “năm 1995 và 1996, Ban đã mở được các khóa bồi dưỡng cho 3.037 cán bộ, công chức ngành tổ chức nhà nước, phối hợp với Văn phòng Chính phủ mở 2 khóa bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho 212 cán bộ lãnh đạo chủ chốt các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”².

Về mặt tổ chức, 1997, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 63/TTg thành lập Cục Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước để triển khai tổ chức quản lý đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức. Cục Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước đã thực hiện có kết quả nhiệm vụ của

mình, tổ chức lại hệ thống trường lớp đào tạo bồi dưỡng công chức cả nước. Ở Trung ương là sự kết hợp đào tạo bồi dưỡng cán bộ của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính Quốc gia, ở các địa phương là các trường Chính trị tỉnh. Hiện nay có 64 trường Chính trị tỉnh đã triển khai đào tạo bồi dưỡng hàng nghìn lớp cho hàng trăm nghìn cán bộ công chức nhà nước, cũng như cho hàng ngàn cán bộ cấp xã và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Ngoài ra, có trên 600 Trung tâm đào tạo bồi dưỡng chính trị cấp Huyện cũng tham gia tích cực vào công tác này. Hệ thống đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức hoạt động khá sôi nổi trong những năm 90 đã góp phần nâng cao kiến thức và kinh nghiệm công tác cho cán bộ, công chức nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

Về giáo trình và chương trình đào tạo bồi dưỡng các lớp cán bộ, công chức đã được chuẩn bị chu đáo, biên soạn công phu và từng bước được bổ sung, hoàn thiện, đặc biệt là những kiến thức về kỹ năng hành chính cụ thể, cập nhật được các chính sách mới, thông tin giúp cho học viên nâng cao năng lực và phương pháp công tác chuyên môn nghiệp vụ và quản lý.

Hình thức tổ chức các lớp ở Trung ương và địa phương đã được thực hiện theo đúng yêu cầu, linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

Thời kỳ 1994 – 2002 số lớp triển khai đào tạo bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức đã tăng lên nhiều so với trước đó, và quan trọng hơn là đã hình thành nền nếp học tập đối với cán bộ, công chức để tiến tới hình thành quy chế học tập bắt buộc với những người thực thi công vụ.

3. **Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra**

Kiểm tra, thanh tra là thực hiện chức năng quản lý nhà nước, vì vậy ngay từ khi hình thành đội ngũ công chức, viên chức theo pháp luật nước ta, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã triển khai công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động của công chức, viên chức khi thực hiện công vụ. Công tác thanh tra

1. Báo cáo công tác năm 1993 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 8.

2. Báo cáo công tác tổ chức nhà nước 2 năm 1995, 1996, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 11.

kiểm tra được tổ chức theo các hướng:

- Thanh tra định kỳ: hàng năm, Ban đã xây dựng kế hoạch thanh tra cho từng năm, tiến hành các cuộc thanh tra theo lịch, các cuộc thanh tra do Vụ Thanh tra Pháp chế chủ trì cùng các vụ chuyên môn khác tham gia, đã tiến hành thanh tra nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nhiều Bộ, ngành về thực hiện các chế độ tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức về công tác theo chức nghiệp, thực hiện nghiệp vụ của mình, về thực hiện chế độ tiền lương, thực hiện chỉ tiêu biên chế v.v.. Thanh tra đã giúp cho Ban đánh giá được tình hình hoạt động triển khai của các đơn vị thực hiện chủ trương đường lối và chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước trong công tác tổ chức nhân sự và các vấn đề khác theo chức năng của Ban. Kết quả thanh tra đã làm rõ thêm chủ trương chính sách vận dụng vào cuộc sống hiện tại.

- Thanh tra vụ việc: theo sự chỉ đạo của cấp trên cũng được tiến hành thường xuyên, đặc biệt trong thời kỳ thực hiện Nghị quyết Trung ương VI năm 1999 – 2002 theo sự chỉ đạo của Chính phủ. Ban đã tổ chức một số cuộc thanh tra để làm rõ các vụ việc xảy ra, tháo gỡ những vướng mắc của các đơn vị và kiến nghị của cán bộ, công chức.

- Thanh tra theo đơn khiếu nại tố cáo của cán bộ, công chức và công dân: để giải quyết dứt điểm những khiếu nại tố cáo đã kéo dài, xác định những sự việc đảm bảo quyền lợi cho công chức đúng với chế độ chính sách.

Công tác thanh tra được tiến hành thường xuyên, đều đặn và có kết quả. Ngoài ra, Ban đã thường xuyên phối hợp với các cơ quan hữu quan để tiến hành giải quyết những vụ việc theo chỉ đạo của cấp trên. Tuy nhiên, đây mới là bước đầu để hình thành công tác thanh tra công vụ, công việc sẽ được tổ chức triển khai đầy đủ và cụ thể hơn để giúp cho việc đánh giá các hoạt động công vụ của công chức được chính xác, toàn diện hơn .

4. Đổi mới, hoàn thiện chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức

Chế độ công vụ và công chức được hình thành rõ hơn và từng bước được củng cố, bổ sung thông qua việc điều chỉnh, hoàn thiện công tác tuyển dụng sử dụng, quản lý và chính sách đãi ngộ cụ thể. Từ những năm 1990, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã là một thành viên chính trong Hội đồng xây dựng chính sách tiền lương nhà nước. Qua nhiều năm xây dựng, đóng góp ý kiến, chế độ tiền lương mới được xây dựng trên cơ sở: tách thang bảng lương và chế độ chính sách của công chức, viên chức thành một hệ thống riêng độc lập với bảng lương của doanh nghiệp và bảng lương lực lượng vũ trang, đưa kết quả nghiên cứu xây dựng chức danh, tiêu chuẩn công chức vào chế độ tiền lương.

Sau một số năm tập trung nghiên cứu, chuẩn bị, với sự nỗ lực cố gắng cao của đội ngũ cán bộ, công chức của Ban đến giữa năm 1993 ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã hoàn tất việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ tiền lương mới để trình Chính phủ.

Ngày 23-5-1993 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 25/ CP *quy định tạm thời về chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang*. Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định này 4 hệ thống bảng lương, bao gồm:

- Hệ thống bảng lương chức vụ dân cử quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

- Hệ thống bảng lương các ngạch công chức, viên chức và phụ cấp lãnh đạo khu vực hành chính sự nghiệp.

- Hệ thống bảng lương sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp hạ sĩ quan và binh sĩ của lực lượng vũ trang.

- Bảng lương chuyên gia cao cấp.

Đồng thời Nghị định này còn quy định cụ thể các khoản phụ cấp khu vực, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp làm đêm, phụ cấp thu

hút, phụ cấp đất đỏ, phụ cấp lưu động cho các đối tượng cán bộ, công chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang¹.

Triển khai thực hiện Nghị định số 25/CP của Chính phủ, từ tháng 5 đến tháng 7-1993, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã ban hành các Quyết định về tiêu chuẩn nghiệp vụ của các ngạch công chức: Hành chính, Lưu trữ, Tài chính, Nông nghiệp - Công nghiệp thực phẩm, Trọng tài kinh tế, Hải quan, Thủy lợi, Lâm nghiệp, Ngân hàng, Dự trữ quốc gia, Khí tượng thủy văn, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nghiên cứu Khoa học và công nghiệp, Văn hóa - thông tin, Thể dục thể thao, Công chứng, Chấp hành viên ngành tư pháp, Quản lý văn thư lưu trữ, Thẩm tra viên ngành tòa án, Thanh tra nhà nước, Thanh tra chuyên ngành thủy sản, Thanh tra chuyên ngành Hải quan.

Chế độ tiền lương mới có các bảng lương riêng quy định thang bậc lương của công chức viên chức hành chính sự nghiệp, tách hẳn với khu vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ của Nhà nước, chế độ tiền lương mới cũng phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn ngạch bậc công chức đã ban hành. Chế độ tiền lương đã thể hiện được bước đầu việc phân loại công chức theo ngành nghề trình độ đào tạo, theo thâm niên công tác phù hợp với phương thức quản lý công chức công vụ của nền hành chính nhà nước. Đồng thời trong thời gian này, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã đóng góp, bổ sung nhiều ý kiến với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội trong quá trình xây dựng các thang bảng lương của khu vực Doanh nghiệp nhà nước để phù hợp với cơ chế quản lý mới.

Từ tháng 3-1993, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã chủ trì cùng với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và một số Bộ, ngành khác tiến hành xem xét rà soát sự chuyển đổi tiền lương của cán bộ, công chức cả nước. Ban đã chủ động rà soát với tất cả các đơn vị hành chính sự nghiệp trong cả nước về việc xếp lại bậc lương cho phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn, vị trí công tác của từng đối tượng công chức. Qua kiểm tra chặt chẽ đã

phát hiện nhiều trường hợp xếp lương, chuyển lương không đúng với vị trí và chức vụ làm việc ở các cơ quan Trung ương và địa phương, xem xét và đề nghị xếp lại cho đúng chế độ.

Gần 2 năm tiến hành sắp xếp, điều chỉnh, chuyển hướng cho hơn 1 triệu trường hợp, bước đầu đã nắm và quản lý được việc sắp xếp, nâng lương của cán bộ, công chức viên chức cả nước.

Cùng với việc chủ trì trong chuyển xếp lương mới, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ cùng với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành đôn đốc xét duyệt việc giám biên chế theo Nghị quyết của Quốc hội khoá VIII và Nghị quyết số 109/NQ-HĐBT, Quyết định số 111/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) cho 53 tỉnh thành phố trực thuộc và hơn 30 cơ quan Trung ương với số người thôi việc là 40.354 người năm 1992 và 41.000 người năm 1994. Số biên chế hành chính giảm hàng năm xấp xỉ 10%. Đó là một cố gắng lớn song mới chỉ đạt 1/2 chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra.

Việc cải cách tiền lương và một số chính sách, chế độ năm 1993 vẫn còn nhiều tồn tại do ảnh hưởng của cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp trước đây, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mới hình thành và từng bước hoàn thiện. Vì vậy, chế độ tiền lương năm 1993 mới cơ bản tiền tệ hoá tiền lương, còn một vài tiêu chuẩn, chế độ vẫn còn bao cấp, bất hợp lý cần tiếp tục sửa đổi. Do đó, từ những năm 1995 – 1996, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách tiền lương và các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức. Năm 1996, đã trình Chính phủ bổ sung chế độ đối với cán bộ công tác tại các phiên toà; năm 1997, đã trình Chính phủ bổ sung phụ cấp cho cán bộ y tế phục vụ các ca phẫu thuật.... tiếp đó là giải quyết chế độ phụ cấp đối với công chức làm công tác phòng chống bão lụt.

Từ năm 1998, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ được Chính phủ giao nhiệm vụ làm thường trực Hội đồng chỉ đạo tiền lương nhà nước. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Nghị quyết Trung ương Đảng khoá VIII đã nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ tiến hành cải cách hệ thống tiền lương và chính sách

1. Công báo số 15 (1295), ngày 15-8-1993.

xã hội. Ban được giao nhiệm vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan như: Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam... nghiên cứu đề xuất các chính sách tiền lương mới.

V- ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Trong thời gian này, trong quá trình chuyển đổi cơ chế từ kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các căn bệnh quan liêu cửa quyền và cơ chế xin - cho kéo dài nhiều năm đã làm bộ máy chính quyền nhà nước kém hiệu lực, gây phiền hà cho dân, đặc biệt là giải quyết các thủ tục hành chính đối với các tổ chức và công dân, Ban đã tham gia với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp kiến nghị Chính phủ ban hành Nghị quyết số 38/CP về cải cách thủ tục hành chính nhằm giải quyết tốt hơn các công việc của dân. Việc cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 38/CP được coi là khâu đột phá của cải cách hành chính nhằm thúc đẩy xây dựng nền hành chính nhà nước hiện đại trong sạch, vững mạnh để Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân như Đảng ta đã đề ra trong Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (6-92). Tiếp đó, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã tập trung bàn và ra Nghị quyết về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thực hiện đường lối của Đảng, công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước đã được quan tâm đẩy mạnh trên cả 3 lĩnh vực: cải cách thể chế, thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ, với vai trò là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, đã thực hiện có kết quả các nhiệm vụ được giao. Từ năm 1995. Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/CP về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính ở các Bộ, ngành và địa phương, tập trung vào các ngành như thuế, hải quan, cấp phép, đăng ký kinh doanh, nhà đất, xuất nhập cảnh... Ban đã chỉ đạo, hướng dẫn và theo dõi việc triển khai

thí điểm cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa một dấu ở thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội, thí điểm khoán biên chế và kinh phí hành chính tại một số quận, huyện của thành phố Hồ Chí Minh. Từ các kết quả thí điểm, Ban đã chủ trì tổng kết, rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp nhân rộng các mô hình vào những năm sau này.

Trong 2 năm 1999 – 2000, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan bắt tay nghiên cứu xây dựng chương trình tổng thể cải cách nền hành chính nhà nước giai đoạn 2001 – 2010 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17-9-2001.

Mục tiêu chung của chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001 – 2010 là “xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu công cuộc xây dựng, phát triển đất nước”¹.

Để đạt được mục tiêu chung trên, cần phải thực hiện tốt những nội dung chủ yếu của cải cách hành chính nhà nước đã được xác định trong Chương trình tổng thể, bao gồm:

(1): Về cải cách thể chế:

- Hoàn thiện các thể chế, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước.
- Đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Bảo đảm việc tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh của cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức.
- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính.

1. Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010, tr. 4, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ .

(2): Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính.

- Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

- Từng bước điều chỉnh những công việc mà Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương đảm nhiệm để khắc phục những chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ. Chuyển cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ hoặc doanh nghiệp các dịch vụ công không cần thiết phải do cơ quan hành chính nhà nước trực tiếp thực hiện.

- Đến năm 2005, về cơ bản ban hành xong và áp dụng các quy định mới về phân cấp Trung ương- địa phương, phân cấp giữa các cấp chính quyền địa phương, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chính quyền địa phương;...gắn phân cấp về công việc với phân cấp về tài chính, tổ chức và cán bộ....

- Bố trí lại cơ cấu tổ chức của Chính phủ.

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bên trong của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương.

- Cải tiến phương thức quản lý, lề lối làm việc của cơ quan hành chính các cấp.

- Thực hiện từng bước hiện đại hóa nền hành chính.

(3): *Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.*

- Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức.

- Cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức công chức.

(4): *Cải cách tài chính công.*

- Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý tài chính và ngân sách.

- Bảo đảm quyền quyết định về ngân sách địa phương của Hội đồng nhân dân các cấp.

- Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính.

- Đổi mới cơ bản cơ chế tài chính đối với khu vực dịch vụ công.

- Thực hiện thí điểm để áp dụng rộng rãi một số cơ chế tài chính mới.

- Đổi mới cơ chế kiểm toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Như vậy, trong giai đoạn 2001 – 2010 cần phải thực hiện cải cách hành chính đồng bộ trên cả 4 lĩnh vực chủ yếu: cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công. Để thực hiện các nội dung trên, Chương trình tổng thể đã đề ra 7 chương trình hành động cụ thể là:

- (1) Chương trình đổi mới công tác xây dựng, ban hành và nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật;

- (2) Chương trình nghiên cứu xác định vai trò, chức năng và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- (3) Chương trình tinh giản biên chế;

- (4) Chương trình xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức;

- (5) Chương trình cải cách tiền lương;

- (6) Chương trình đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp công;

- (7) Chương trình hiện đại hóa nền hành chính.

Trong đó, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm trực tiếp chủ trì triển khai thực hiện 4 chương trình: (2), (3), (4) và (5).

Từ cuối năm 2001, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã bắt tay triển khai thực hiện các chương trình này. Đồng thời Ban còn trực tiếp giúp Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ của cải cách hành chính, kịp thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, thúc đẩy tiến độ và nâng cao kết quả, chất lượng thực hiện cải cách hành chính trong cả nước. Về phần

mình, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã quán triệt sâu sắc tinh thần, nội dung, phương hướng cải cách hành chính, vận dụng trực tiếp, có kết quả vào các mặt công tác chủ yếu của Ban trong việc xây dựng tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong từng thời gian, từng công việc cụ thể.

VI- QUẢN LÝ CÁC HỘI, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ, LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Về quản lý Hội, Tổ chức phi chính phủ: Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, các hoạt động xã hội, các quan hệ xã hội dân sự ngày càng được coi trọng, mở rộng hơn. Nhu cầu tổ chức các Hội, Tổ chức phi chính phủ ngày càng được các tổ chức kinh tế – xã hội và công dân quan tâm hơn. Để thực hiện công tác quản lý nhà nước về các Hội, các tổ chức phi Chính phủ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Quyết định số 144/QĐ ngày 13-8-1998 về việc thành lập *Vụ Tổ chức phi chính phủ* thuộc Ban để tham mưu giúp Bộ trưởng – Trưởng ban thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Hội và Tổ chức phi chính phủ.

Theo chức năng của mình, vào năm 1998, Ban đã tham mưu đề Thủ tướng Chính phủ trình Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 10-8-1998 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức và các hoạt động của các Hội quần chúng. Chỉ thị của Bộ Chính trị xác định rõ mục tiêu phương hướng và biện pháp thực hiện quản lý nhà nước đối với các Hội quần chúng và các Tổ chức phi chính phủ. Theo đường lối của Đảng, Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ đã tiến hành theo dõi, quản lý việc thành lập và hoạt động của các Hội quần chúng trong nước, nghiên cứu thẩm định điều lệ và tạo điều kiện cho các Hội quần chúng hoạt động theo pháp luật. Tính đến giữa năm 2002, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã thẩm định và ban hành quyết định thành

lập 250 Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc, 1.500 Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc và nhiều Hội có phạm vi hoạt động trong phạm vi quận, huyện, xã, phường. Đến nay, công tác quản lý nhà nước về các Hội đã tương đối đi vào nền nếp, tạo điều kiện cho các Hội hoạt động theo điều lệ, trong khuôn khổ pháp luật.

Về công tác lưu trữ nhà nước: Từ tháng 10-1992, Cục Lưu trữ nhà nước chuyển về Ban. Công tác lưu trữ trở thành một trong những nhiệm vụ quản lý quan trọng của Ban. Cục Lưu trữ nhà nước đã phấn đấu thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về mặt lưu trữ, hướng dẫn Văn phòng các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương tổ chức lưu trữ tài liệu quốc gia. Với 3 Trung tâm lưu trữ, Cục đã tổ chức thu thập, bảo quản và tổ chức khai thác những tài liệu có giá trị lịch sử phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước và nghiên cứu khoa học trong nước.

Văn thư, lưu trữ là một bộ phận của công tác văn phòng, Lưu trữ với nhiệm vụ thu thập, giữ gìn, bảo quản văn bản tài liệu, giấy tờ có giá trị về mặt chính trị, kinh tế, xã hội và các hoạt động khác của đất nước, trở thành di sản quốc gia phục vụ cho nghiên cứu khoa học và công tác lãnh đạo, quản lý.

Cục Lưu trữ nhà nước đã thực hiện có kết quả nhiệm vụ của mình. Cục đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Pháp lệnh sửa đổi Pháp lệnh Lưu trữ, báo cáo Chính phủ để trình ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành vào ngày 04-4-2001. Đồng thời Cục Lưu trữ nhà nước đã tiến hành xây dựng và hoàn chỉnh các văn bản triển khai Pháp lệnh, trình Chính phủ ban hành sau khi Pháp lệnh sửa đổi được thông qua.

Ngày 04-9-1997 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 726/TTg về tăng cường chỉ đạo công tác lưu trữ trong tình hình mới. Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã ban hành Thông tư số 40/TT-BTCCBCP ngày 24-01-1998 về tổ chức lưu trữ tại các cơ quan nhà nước các cấp. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã triển khai đôn đốc các đơn vị hành chính, sự nghiệp trong cả nước tổ chức công tác văn thư lưu trữ. Bản thân Cục Lưu trữ nhà nước còn trực tiếp thực hiện công tác lưu trữ chung

trong cả nước với 3 Trung tâm lưu trữ quốc gia. Nhờ nỗ lực cố gắng chung, ngành Lưu trữ ngày càng được củng cố, phát triển về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức. Đến năm 2002, Cục Lưu trữ nhà nước có 15 đơn vị; trong đó có 7 đơn vị giúp Cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước, 8 đơn vị sự nghiệp. Tại các tỉnh thành phố có Trung tâm lưu trữ, tại các Bộ có phòng lưu trữ. Công tác xây dựng cải tạo kho lưu trữ được chú ý đặc biệt tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II và Trung tâm Lưu trữ - Bộ Quốc phòng, ngoài ra 20 tỉnh thành phố đã xây dựng kho lưu trữ chuyên dùng. Công tác lưu trữ đã được các đơn vị quan tâm và tổ chức khá chu đáo tại đơn vị mình quản lý.

Về công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế: Trước yêu cầu nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước, xây dựng thể chế chính sách và thực hiện công cuộc cải cách hành chính, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã đặt công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực hoạt động chủ yếu là một nhiệm vụ quan trọng. Năm 1995, sự ra đời của Viện Nghiên cứu Khoa học tổ chức nhà nước và Vụ Hợp tác quốc tế trong cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã góp phần đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, thông tin và hợp tác quốc tế, phục vụ trực tiếp cho việc tham mưu, xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện cho việc tham mưu, xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu của Ban. Để tạo điều kiện nâng cao năng lực, tham mưu xây dựng chính sách, trong thời gian này, Lãnh đạo Ban và các đơn vị trong Ban đã tích cực đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học phục vụ trực tiếp cho công tác chuyên môn của các đơn vị trong Ban, đồng thời Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức Nhà nước, tuy mới được thành lập và với một lực lượng cán bộ nghiên cứu còn mỏng, nhưng đã tập trung nghiên cứu một số đề tài, đề án có liên quan trực tiếp đến xây dựng Nhà nước, cải cách hành chính, đến việc xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế vận hành bộ máy hành chính nhà nước, đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, cán bộ chính quyền cơ sở...

Trong những năm 1995 - 2002, lực lượng cán bộ khoa học và cán bộ, công chức của Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã triển khai thực hiện có kết quả

2 đề tài nghiên cứu khoa học độc lập cấp nhà nước và giúp Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ triển khai công trình biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam giai đoạn 1945 – 2002. Hàng năm, Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức Nhà nước cùng với các đơn vị trong Ban đã hoàn thành việc nghiên cứu hàng chục đề tài khoa học cấp Bộ có tính ứng dụng cao, phục vụ trực tiếp cho các nhiệm vụ cụ thể của Ban trong từng thời gian.

Các kết quả nghiên cứu và thông tin khoa học trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, cải cách hành chính... đã góp phần tạo luận cứ khoa học cần thiết cho việc xây dựng các đề án và các văn bản quy phạm pháp luật do Ban soạn thảo cũng như phục vụ cho việc soạn thảo một số văn kiện Đại hội Đảng, Hội nghị Trung ương 8 khóa VIII, Hội nghị Trung ương 3 và 7 khóa VIII về xây dựng nhà nước, cải cách hành chính và chiến lược cán bộ; một số dự thảo Luật, Pháp lệnh có liên quan đến lĩnh vực tổ chức, cán bộ, công chức và cải cách hành chính như sửa đổi Hiến pháp năm 1992, xây dựng Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi); Pháp lệnh Cán bộ, công chức...

Cùng với việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu thông tin khoa học, trong thời gian 1995 – 2002, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã tăng cường đáng kể hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực: tổ chức bộ máy nhà nước, công chức công vụ, lưu trữ tài liệu quốc gia và nhất là trong lĩnh vực cải cách hành chính. Nhằm tăng cường học tập kinh nghiệm nước ngoài trong việc xây dựng nền hành chính phát triển, thực hiện và đẩy mạnh cải cách hành chính.

Các dự án do UNDP, Sida (Thụy Điển), KAS (Cộng hòa Liên bang Đức), Na Uy hỗ trợ, được thực hiện trong trong giai đoạn 1994 – 2002 đã mang lại những kết quả trực tiếp, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu xây dựng chính sách của Ban cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu trong từng lĩnh vực công tác của Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ.

Được Chính phủ giao nhiệm vụ là cơ quan đầu mối quản lý các dự án quốc

tế hỗ trợ cải cách hành chính, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã thực hiện tốt việc hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện 20 dự án hỗ trợ kỹ thuật về cải cách hành chính thí điểm tại một số Bộ, ngành và một số địa phương. Đồng thời Ban đã nghiên cứu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 236/1999/QĐ-TTg và sau đó là Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg về tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế vào nền nếp và đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Tại Hội nghị lần thứ 9 (tháng 11-1998) tổ chức ở Singapore, Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ trở thành thành viên chính thức của Hội nghị các nước ASEAN về vấn đề công vụ (ACCSM); tháng 11-2001, Ban đã đăng cai và tổ chức thành công hội nghị ACCSM lần thứ 11 tại Hà Nội cũng như đã tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế.

*
* *

Sự phát triển, trưởng thành của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trong những năm 1992-2002 góp phần tích cực vào bước chuyển mình lớn lao của đất nước với những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Từ một cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã trở thành một cơ quan ngang Bộ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách nền hành chính nhà nước.

Trong giai đoạn này, với ý thức trách nhiệm cao, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ đã đóng góp tích cực vào công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước trên các lĩnh vực: cải cách tổ chức bộ máy Chính phủ, củng cố chính quyền địa phương, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần trực tiếp nâng cao một bước năng lực, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính nhà nước, tạo đà thuận lợi cho việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI.